

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 Ở NGƯỜI TRÊN 40 TUỔI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRUYỀN THÔNG TẠI HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2020- 2021

*Trần Quang Quý**, *Lê Minh Lý²*

1. Trung tâm Y tế Thanh Trị

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

* Email: quangqui2010@gmail.com

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đái tháo đường (ĐTĐ) là một vấn đề y tế, có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của con người. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Xác định tỷ lệ đái tháo đường type 2 và một số yếu tố liên quan; 2) Đánh giá kết quả can thiệp truyền thông lên kiến thức, thực hành về kiểm soát đường huyết. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu 1200 người trên 40 tuổi. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích và can thiệp cộng đồng. **Kết quả:** Tỷ lệ ĐTĐ type 2 ở người trên 40 tuổi là 11,75%, mới phát hiện 3,75%, đã mắc và đang điều trị 8,0%; tỷ lệ ĐTĐ type 2 ở nam là 9,85%, ở nữ là 13,58%. Kết quả can thiệp truyền thông kiến thức, thực hành rất cao. **Kết luận:** Tỷ lệ ĐTĐ type 2 ở người trên 40 tuổi là 11,75%, có sự liên quan giữa ĐTĐ với giới tính, tuổi, tiền sử tăng huyết áp, tiền sử gia đình ĐTĐ. Việc truyền thông về kiến thức, thực hành kiểm soát đường huyết là rất cần thiết.

Từ khóa: Đái tháo đường, can thiệp truyền thông.

ABSTRACT

STUDY ON STATUS OF DIABETES TYPE 2 IN PERSON OVER 40 YEARS OLD AND ASSESSMENT OF COMMUNICATION RESULTS AT THANH TRI DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE IN 2020-2021

*Tran Quang Qui**, *Le Minh Ly²*

1. Thanh Tri Medical Center

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Diabetes mellitus (DM) is a health problem, had a great impact on human health and quality of life. **Objectives:** 1) Determine the prevalence of diabetes type 2 and some related factors; 2) Evaluation of the results of communication interventions on knowledge, practice of glycemic control. **Materials and methods:** Study on 1200 people over 40 years old. A cross-sectional descriptive study with analysis and community intervention. **Results:** The prevalence of diabetes type 2 in people over 40 years old was 11.75%, whereas 3.75% of incidence and 8.0% of having diabetes history; the prevalence of diabetes type 2 in men was 9.85%, in women was 13.58%. The results of the intervention to communicate knowledge, attitudes, and practices were very high. **Conclusion:** The prevalence of type 2 diabetes in people over 40 years old was 11.75%; there was a relationship between diabetes and sex, age, history of hypertension, family history of diabetes. Communication about knowledge, practice of blood sugar control was very necessary.

Keywords: Diabetes, intervention communicated.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường (ĐTĐ) là bệnh rối loạn chuyển hóa đồng thời là bệnh xã hội ở các nước đã và đang phát triển. Trong những năm gần đây, với tình hình tăng nhanh bệnh đái tháo đường, làm cho bệnh lý này trở thành một vấn đề sức khỏe đáng quan tâm đồng thời là vấn đề lớn trong y học cộng đồng. Theo Liên đoàn đái tháo đường Quốc tế năm 2019, số

người mắc bệnh trên toàn thế giới là 463 triệu người, tử vong do bệnh hơn 4 triệu người, chi phí để theo dõi và điều trị ít nhất 727 tỉ USD, dự kiến năm 2045 số người mắc bệnh tăng lên hơn 700 triệu người [10].

Thành Trị là huyện đã được triển khai Dự án phòng chống bệnh đái tháo đường từ năm 2013 tuy nhiên dự án chỉ triển khai được 2 xã, như vậy số lượng bệnh nhân mắc bệnh trong cộng đồng chưa được phát hiện và theo dõi điều trị tương đối nhiều do đó việc chọn chủ đề này là hết sức cần thiết với các mục tiêu sau:

1) Xác định tỷ lệ đái tháo đường và một số yếu tố liên quan đến đái tháo đường type 2 ở người trên 40 tuổi tại huyện Thành Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2020- 2021.

2) Đánh giá kết quả can thiệp truyền thông lên kiến thức, thực hành về kiểm soát đường huyết ở người đái tháo đường type 2 trên 40 tuổi chưa kiểm soát được đường huyết tại huyện Thành Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2020- 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tất cả những người dân trên 40 tuổi, đang sống và làm việc trên địa bàn huyện Thành Trị, tỉnh Sóc Trăng năm 2020.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Người dân trên 40 tuổi có hộ khẩu thường trú tại huyện Thành Trị, tỉnh Sóc Trăng tại thời điểm nghiên cứu.

- **Tiêu chí loại trừ:** Bệnh nặng đang bị các biến chứng cấp tính.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích và can thiệp cộng đồng [6] không nhóm chứng.

- **Cỡ mẫu:**

Cỡ mẫu được tính theo công thức

$$n = Z^2 (1 - \alpha/2) \times \frac{p(1-p)}{d^2} \quad DE$$

Chọn $p = 0,065$ (tỷ lệ đái tháo đường) theo nghiên cứu Phạm Văn Bảo [1]; d : sai số mong muốn, chấp nhận sai số là 2%; DE : hiệu lực thiết kế, được lấy bằng 2.

Thay vào công thức ta có $n=1167$, cộng 2% dự phòng mẫu lấy tròn 1200 đối tượng.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Ngẫu nhiên hệ thống.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Đái tháo đường khi: Đường huyết ≥ 126 mg/dL; hoặc đã được chẩn đoán đái tháo đường trước đó và đang dùng thuốc điều trị đái tháo đường. Mối liên quan giữa đái tháo đường với giới tính, tuổi, tiền sử.

Tác động tuyên truyền lên kiến thức, thực hành của người bệnh ĐTĐ.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn trực tiếp.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được thu thập theo phiếu có sẵn và xử lý bằng phần mềm Stata.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu.

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	589	49,08
	Nữ	611	50,92
Tuổi	41-50	406	33,8
	51-60	363	30,3
	61-70	283	23,6
	≥ 71	148	12,33

Nhận xét: Tỷ lệ nam và nữ gần bằng nhau, nhóm tuổi 41-50 chiếm cao nhất 33,8%.

3.2. Tình hình đái tháo đường và các yếu tố liên quan

Bảng 2. Tình hình đái tháo đường tại huyện Thạnh Trị

Tình hình đái tháo đường	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tỷ lệ đái tháo đường	141	11,75
Tỷ lệ mắc mới	45	3,75
Đã có tiền sử/ đang điều trị	96	8,00

Nhận xét: Tỷ lệ đái tháo đường là 11,75%, mắc mới chiếm 3,75%.

Bảng 3. Liên quan giữa đái tháo đường với giới tính và tuổi

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	p
Giới	Nam	58	9,85	0,044
	Nữ	83	13,58	
Tuổi	41-50	24	5,91	< 0,001
	51-60	60	16,53	
	61-70	39	13,78	
	≥ 71	18	12,16	

Nhận xét: Tỷ lệ đái tháo đường ở nam giới và nữ giới khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p=0,044$; có sự khác biệt tỷ lệ đái tháo đường ở các nhóm tuổi, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

Bảng 4. Liên quan giữa đái tháo đường với tiền sử bệnh

Tiền sử		Tổng số	Tần số	Tỷ lệ (%)	OR KTC 95%
Tăng huyết áp	Có	576	90	15,63	2,08
	Không	624	51	8,17	1,44-2,99
Gia đình đái tháo đường	Có	186	52	27,96	4,03
	Không	1014	89	8,78	2,74-5,94

Nhận xét: Tỷ lệ ĐTĐ ở người có tiền sử tăng huyết áp cao gấp 2 lần ở người không có tiền sử tăng huyết áp; tỷ lệ ĐTĐ ở người có tiền sử gia đình ĐTĐ cao gấp 4 lần người không có tiền sử gia đình ĐTĐ với $p < 0,001$.

3.3. Kết quả can thiệp truyền thông kiến thức, thực hành kiểm soát đường huyết

Tiến hành can thiệp (CT) tuyên truyền về kiến thức và thực hành đúng cho 89 đối tượng được chẩn đoán đái tháo đường type 2 có mức đường huyết ≥ 126 mg/dl trong thời gian 6 tháng, kết quả như sau:

Bảng 5. Kết quả can thiệp truyền thông về kiến thức trước và sau can thiệp

Kiến thức	Trước CT		Sau CT		HQCT (%)	P
	n	%	n	%		
Kiến thức về ĐTĐ	73	82,02	84	94,38	12,36	<0,001
Hoạt động ngăn ngừa ĐTĐ	22	24,72	67	75,28	50,56	0,002

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân có kiến thức đúng sau can thiệp cao hơn trước can thiệp, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (dùng phép kiểm test χ^2 sự khác biệt giữa 2 tỷ lệ).

Bảng 6. Kết quả can thiệp truyền thông về thực hành trước và sau can thiệp

Thực hành	Trước CT		Sau CT		HQCT (%)	P
	n	%	n	%		
Vận động thể lực	42	47,19	77	86,52	39,33	<0,001
Sử dụng thuốc	75	84,27	85	95,51	11,24	0,001

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân thực hành đúng sau can thiệp truyền thông cao hơn trước can thiệp, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p=0,001$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 1200 đối tượng trên 40 tuổi đang sinh sống tại 4 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Về giới tính chúng tôi ghi nhận tỷ lệ giới nam (49%) so với giới nữ (51%), tương đồng với tỷ lệ nam, nữ của người dân địa phương [2].

- Phân bố theo nhóm tuổi, cao nhất là nhóm 41-50 chiếm 33,8% thấp nhất là nhóm trên 70 tuổi chiếm tỷ lệ 12,33%, gần tương đồng với nghiên cứu của Võ Thành Danh ở huyện Mỹ Xuyên [3]. Do Thạnh Trị và Mỹ Xuyên là 2 huyện của tỉnh Sóc Trăng nên về mặt cơ cấu dân số cũng tương đồng nhau.

4.2. Tình hình đái tháo đường và các yếu tố liên quan

Tỷ lệ đái tháo đường trong nghiên cứu của chúng tôi là 11,75%, thấp hơn nghiên cứu của Võ Thành Danh [3] là 16,1%; tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Văn Lành [5] là 11,91%; cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên [7] là 7,6%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng nằm trong giới hạn nhưng ở mức cao so với những kết quả của các nghiên cứu trên điều đó đã chứng minh bệnh đái tháo đường gia tăng theo thời gian.

Nghiên cứu của chúng tôi, trong số 141 trường hợp mắc đái tháo đường, có 45 trường hợp mới phát hiện chiếm tỷ lệ 31,91%, thấp hơn nghiên cứu của Trần Văn Hải tại tỉnh Hậu Giang năm 2011 [4] tỷ lệ đái tháo đường mới phát hiện là 68,1%. Với kết quả này cho thấy số người bị bệnh đái tháo đường tiềm ẩn trong cộng đồng là khá lớn mà không được phát hiện kịp thời.

Tỷ lệ đái tháo đường ở nam giới là 9,85% thấp hơn ở nữ là 13,58%. Theo nghiên cứu của Tôn Thất Thạnh tại thành phố Đà Nẵng năm 2018 [9] tỷ lệ ĐTĐ ở nam giới là 14,8% ở giới nữ là 9,7%, không tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi có thể do mẫu nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ nam nữ gần tương đương còn nghiên cứu trên mẫu nghiên cứu nam chỉ bằng 1/3 nữ.

Tỷ lệ đái tháo đường ở nhóm tuổi 41-50 tuổi thấp nhất 5,91% kể đến nhóm tuổi ≥ 71 là 12,16%; nhóm tuổi 61-70 là 13,78%; cao nhất là nhóm tuổi 51-60 là 16,53%, gần tương đồng nghiên cứu của Trần Văn Hải [4], tỷ lệ đái tháo đường ở nhóm tuổi 60-64 cao nhất

chiếm tỷ lệ 17,9%, thấp nhất là nhóm tuổi 30-39 tỷ lệ ĐTĐ chiếm 5,3% kết quả trên cho thấy bệnh đái tháo đường gặp nhiều ở tuổi từ 50 tuổi trở lên, tuổi càng cao tỷ lệ mắc đái tháo đường càng nhiều.

Nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa tỷ lệ ĐTĐ và tiền sử tăng huyết áp, tỷ lệ ĐTĐ ở người có tiền sử tăng huyết áp cao gấp 2 lần ở người không có tiền sử tăng huyết áp tương đồng với nghiên cứu của Phạm Văn Bảo, Trương Quang Đạt [1] tỷ lệ đái tháo đường nhóm có tiền sử cao huyết áp là 11,9%, nhóm không cao huyết áp là 4,8%.

Theo khảo sát của chúng tôi có sự khác biệt tỷ lệ ĐTĐ ở người có tiền sử gia đình ĐTĐ (27,96%) và không có tiền sử gia đình ĐTĐ (8,78%), tương đồng với nghiên cứu của Phạm Văn Bảo, Trương Quang Đạt [1] tỷ lệ ĐTĐ ở nhóm người có tiền sử gia đình ĐTĐ là 13,5% và không có tiền sử gia đình ĐTĐ là 5,7%. Có thể do yếu tố di truyền, hoặc lối sống giống nhau.

4.3. Hiệu quả can thiệp truyền thông kiến thức, thực hành kiểm soát đường huyết

Kiến thức

Nghiên cứu nhận thấy rằng trước can thiệp tỷ lệ có kiến thức đúng về ĐTĐ là 82,02%, sau can thiệp tỷ lệ này tăng lên 94,38%, hiệu quả can thiệp 12,36% ($p < 0,001$), nghiên cứu của Nguyễn Văn Lành [5], hiệu quả can thiệp kiến thức phát hiện ĐTĐ là 11,9% tương đồng với nghiên cứu chúng tôi. Có kiến thức chung về các triệu chứng ĐTĐ giúp người bệnh phát hiện sớm bệnh lý góp phần cho công tác điều trị thành công và hạn chế tỷ lệ biến chứng do ĐTĐ gây ra.

Nghiên cứu trước can thiệp tỷ lệ kiến thức đúng về hoạt động ngăn ngừa ĐTĐ rất thấp 24,72%, sau can thiệp tỷ lệ này tăng lên rất cao 75,28%, chỉ số hiệu quả can thiệp 50,56% ($p = 0,002$), nghiên cứu của Nguyễn Văn Lành [5], chỉ số hiệu quả can thiệp kiến thức phòng chống ĐTĐ là 59,9%, điều này cho thấy rằng đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao kiến thức có tác dụng tốt cho công tác phòng chống bệnh trong cộng đồng.

Thực hành

Khảo sát việc thực hành đúng tham gia hoạt động thể lực đối với người bệnh chúng tôi thấy rằng hiệu quả can thiệp 39,33% ($p < 0,001$), nghiên cứu của Dương Thị Minh Tâm và cộng sự [8], tỷ lệ người bệnh hoạt động thể lực trước can thiệp chiếm 45,7%, sau can thiệp tỷ lệ này tăng lên chiếm 68,7% ($p < 0,001$). Việc thực hành đúng hoạt động thể lực góp phần nâng cao sức khỏe người bệnh, hạn chế đề kháng insuline đối với người bệnh ĐTĐ, góp phần kiểm soát tốt đường huyết.

Việc thực hành đúng uống thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ hiệu quả can thiệp là 11,24% ($p = 0,001$). Kết quả trên thấy rằng việc tuân thủ dùng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ được nâng lên sau thời gian tuyên truyền kiến thức cho người bệnh góp phần to lớn trong việc theo dõi và điều trị tốt cho người bệnh.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ bệnh đái tháo đường là 11,75%. Trong đó: Tỷ lệ đái tháo đường mới phát hiện 3,75%, đã mắc và đang điều trị 8%. Có mối liên quan giữa tỷ lệ đái tháo đường với giới tính, tuổi, tiền sử cao huyết áp, tiền sử gia đình đái tháo đường. Việc truyền thông về đái tháo đường đã giúp người bệnh tăng thêm kiến thức và có thực hành đúng trong việc kiểm soát đường huyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Bảo, Trương Quang Đạt (2019), Tỷ lệ hiện mắc đái tháo đường type ở người từ 30-69 tuổi tại tỉnh Bình Định năm 2018, *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, phụ bản tập 23, số (5), tr.58-62.
2. Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng (2019), Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Nhà xuất bản thống kê, tr.307-328.
3. Võ Thành Danh (2016), “Nghiên cứu tình hình bệnh đái tháo đường typ 2 và đánh giá kết quả can thiệp ở người từ 40 tuổi trở lên tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng năm 2015-2016”, Luận văn chuyên khoa 2, Đại học Y Dược Cần Thơ.
4. Trần Văn Hải, Đàm Văn Cương (2011), “Nghiên cứu tình hình đái tháo đường và kiến thức, thực hành dự phòng biến chứng ở người dân 30-64 tuổi tại tỉnh Hậu Giang năm 2011”, *Y học thực hành* (865), số 4/2013, tr.23-27.
5. Nguyễn Văn Lành (2014), “Thực trạng bệnh đái tháo đường, tiền đái tháo đường ở người Khmer tỉnh Hậu Giang và đánh giá hiệu quả một số biện pháp can thiệp”, Luận án tiến sĩ Y học, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
6. Phạm Văn Linh (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe, Nhà xuất bản Đại học Huế, tr.07-87.
7. Nguyễn Thị Liên và cộng sự (2019), Thực trạng mắc bệnh đái tháo đường và rối loạn dung nạp glucose máu ở người dân từ 30-69 tuổi có yếu tố nguy cơ tại xã Tân Thành huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình năm 2019, *Tạp chí Y học cộng đồng*, số (53), tr.62-66.
8. Dương Thị Minh Tâm và cộng sự (2018), Hiệu quả chương trình tập huấn nâng cao kiến thức về đái tháo đường của người cao tuổi mắc đái tháo đường type 2 tại thành phố Cần Thơ, *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, phụ bản tập 23, số (5), tr.393-402.
9. Tôn Thất Thạnh và cộng sự (2019), Thực trạng đái tháo đường týp 2 ở người trưởng thành từ 30-69 tuổi và một số yếu tố nguy cơ liên quan tại thành phố Đà Nẵng năm 2018, *Y học cộng đồng*, số 5(52), tr.3-10.
10. International Diabetes Federation (2019), Global and regional diabetes prevalence estimates for 2019 and projections for 2030 and 2045, *Diabetes research and clinical practice*, Published by Elsevier B.V.

(Ngày nhận bài: 19/6/2021 – Ngày duyệt đăng: 14/8/2021)
